

Số: /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2663/TTr-STC ngày 17 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình; gồm:

- Diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;
- Diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 7 và điểm d, điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; gồm:
 - Cơ quan chuyên môn;

- b) Tổ chức hành chính khác;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

1. Đối với tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức.

Cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì xác định diện tích chuyên dùng căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì xác định diện tích chuyên dùng căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành.

3. Đối với tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp.

a) Diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo

a1) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

a2) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát để ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Diện tích công trình sự nghiệp khác ngoài diện tích công trình sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

4. Sau khi ban hành Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp theo phân cấp thẩm quyền tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Trong trường hợp tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp mới. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quyết định này có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2025.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Nam;

b) Quyết định số 64/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

c) Quyết định số 65/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ lĩnh vực y tế) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các nội dung có liên quan được thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
 - Cục KTraVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, VP4, VP12, VP5.
- ĐTT_VP5_QPPL₀₃

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng